

## TƯ TƯỞNG “DÂN LÀ GỐC” DƯỚI THỜI LÊ - NGUYỄN

**Đông Văn Quân\***

*Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên*

### TÓM TẮT

Bài báo khái quát những nội dung chính về «Dân là gốc» trong tư tưởng của các chí sĩ yêu nước Việt Nam dưới thời Lê - Nguyễn như : Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Thi Nhậm, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu. Bài báo chỉ ra rằng tư tưởng «Dân là gốc» của Nho giáo Trung Quốc, sau khi du nhập vào Việt Nam, đặc biệt dưới thời Lê - Nguyễn, đã hòa quyện với chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam và trở thành một trong những di sản văn hóa đặc sắc của người Việt.

**Từ khóa:** *Dân là gốc, Lê - Nguyễn, Tư tưởng, Truyền thống, ca dao.*

Cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV nhà Trần bắt đầu suy tàn. Nhà Hồ ra đời thay thế cho nhà Trần. Hồ Quý Ly lên ngôi với một loạt những chính sách tiến bộ nhằm cải cách chế độ chính trị của nhà Trần. Nhưng do không biết dựa vào dân nên khi giặc Minh sang xâm lược (1406), thì nhà Hồ đã nhanh chóng thất bại.

Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, nhà Lê sơ ra đời, mở ra một chương mới cho sự phát triển mọi mặt của đất nước. Chiến thắng của khởi nghĩa Lam Sơn là bằng chứng hùng hồn về vai trò sức mạnh của dân. Thời kỳ này tư tưởng "dân là gốc" được phát triển đến đỉnh cao về mặt lý luận ở Nguyễn Trãi, và được kiểm chứng về mặt lịch sử. Giai đoạn thế kỷ XVI - XVIII là thời kỳ khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam với sự chia cắt đất nước bởi các tập đoàn phong kiến, chiến tranh liên miên, đời sống nhân dân cực khổ; Nam bắc triều với chiến tranh Trịnh - Mạc; chiến tranh Trịnh - Nguyễn với sự phân chia Đàng trong - Đàng ngoài. Cuối thế kỷ XVIII các cuộc khởi nghĩa của nông dân nổi lên mọi nơi. Tiêu biểu nhất là khởi nghĩa Tây Sơn với sự lên ngôi của vua Quang Trung - Nhà Tây Sơn ra đời. Vào thế kỷ thứ XIX nhà Nguyễn tiêu diệt Tây Sơn, lập nên một chế độ phong kiến cực kỳ phân động, quan liêu, thối nát. Khi Pháp xâm lược nước ta thì nhà Nguyễn đã nhanh chóng đầu hàng. Trong suốt thời kỳ khủng hoảng của chế độ phong kiến thời Lê - Nguyễn chính quyền hầu như không quan tâm đến đời sống của nhân dân, không coi dân là gốc, nên tư tưởng “dân là gốc nước” phần nào

bị lãng quên. Tuy nhiên một số nhà tư tưởng tiêu biểu thời kỳ này vẫn trung thành với tư tưởng trọng dân của Nguyễn Trãi, vẫn tìm về với "Gốc của nước". Tiêu biểu nhất là tư tưởng của các chí sĩ yêu nước thương dân như Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Thi Nhậm...

Nguyễn Trãi (1380-1442) là một nhà văn hoá, nhà tư tưởng lớn, một vị anh hùng dân tộc. Về mặt tư tưởng, ông là người đã vượt lên trên thời đại mình, bỏ xa các nhà tư tưởng trong lịch sử, là đỉnh cao trong sự phát triển tư tưởng của dân tộc qua các triều đại phong kiến Việt Nam. Ông là người đã quán triệt và phát triển đến đỉnh cao tư tưởng chính trị nhân nghĩa và tư tưởng thân dân, trọng dân. Trong tư tưởng của ông nhân dân luôn là đối tượng quan tâm của chính sự. Ông luôn quán triệt tôn chỉ: cứu nước, làm chính trị nhân nghĩa chính là để vì dân, để an dân, vỗ về dân. Trong Đại Cáo Bình Ngô ông viết: "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điều phạt trước lo trừ bạo" [6, 77].

Để yên dân phải "trừ bạo". Điều này được ông thể hiện rõ trong suốt quá trình theo Lê Lợi chống quân Minh. Trong toàn bộ hoạt động chính trị và tư tưởng của mình Nguyễn Trãi luôn luôn nêu cao tư tưởng "dân là gốc nước", bởi vì:

*Thứ nhất:* Nguyễn Trãi đại diện cho tư tưởng của những người đang vươn lên để bảo vệ cho lợi ích của dân tộc trước sự xâm lược của ngoại bang, thấy được trách nhiệm của mình là phải bảo vệ cho dân, nuôi dân, dưỡng dân.

*Thứ hai:* Trong con mắt của Nguyễn Trãi, dân là người lao động có địa vị nhỏ bé cuối cùng trong xã hội, nhưng lại có vai trò to lớn là

\* Tel: 0912 021314, Email: quan3666@gmail.com

nuôi sống xã hội. Đó là những người lao động bình thường đang làm ra của cải cho xã hội. Khi chiến tranh xảy ra thì nhân dân (dân đen) là người chịu khổ cực nhiều nhất. Ông rất thông cảm với nỗi thống khổ ấy của nhân dân.

"Thui dân đen trên lò bạo ngược,

hãm con đở dưới hồ tai ương" [6, 77]

*Thứ ba:* An dân là điều kiện để an xã hội. Theo ông, phải xem dân là gốc của nước, dân có quan hệ đến sự an nguy của xã hội, bởi vì dân là số đông, là cơ sở của xã hội, là lực lượng có vai trò quyết định đến sự ủng hộ hay phé truất nền thống trị của một triều đại, một ông vua.

Bằng những ví dụ lịch sử, Nguyễn Trãi đã làm sáng tỏ vai trò, sức mạnh của dân. Ông cho rằng sở dĩ nhà Trần bị sụp đổ là do dân chán ghét chế độ. Nhà Hồ để mất nước về tay giặc Minh là do dân oán giận. Nhân dân cầm hồn giặc Minh đi theo nghĩa quân Lam Sơn "gạo nước đón rước, người theo đây đường" nên giặc Minh bị bại, khởi nghĩa thắng lợi. Như vậy sức mạnh của dân là sức mạnh đẩy thuyền và lật thuyền.

Nhận thức rõ được sức mạnh của dân, thấy rằng "dân là gốc của nước", chủ trương một nền chính trị nhân nghĩa, Nguyễn Trãi đã phấn đấu suốt đời để thực hiện chính sách thân dân, vì dân. Ông cho rằng cứu nước trước hết là cứu dân, và chính dân phải là người tự cứu lấy mình, nên ông đã phát động một cuộc chiến tranh nhân dân, mọi người dân đều cầm vũ khí chống giặc Minh. Khởi nghĩa Lam Sơn đã trở thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Sau khi giành được độc lập, đánh đuổi được giặc Minh, Nguyễn Trãi vẫn trung thành với tư tưởng "dân là gốc" của mình. Ông đã tiến hành xây dựng một chính quyền vì dân, yên dân, để cho "trong thôn cùng xóm vắng không có tiếng hồn giặc oán sầu" [3, 63].

Trong khi các quan đương thời thường nói "on vua lộc nước" thì Nguyễn Trãi đã nêu một quan điểm mới lạ "ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày". Phải on dân là vì dân là người làm ra mọi của cải cho xã hội, vì mọi cái "đều do sức lao khổ của dân" mà ra. Cho nên mọi chủ trương, chính sách đều phải hợp với lòng dân,

lòng dân ủng hộ thì làm, trái với lòng dân thì bỏ, không được theo "lòng mình mà ức lòng người". Mọi việc có liên quan đến dân, theo ông, chính quyền phải xem xét cẩn thận trước khi quyết định: "...ai hiểu rõ thời vụ đều bàn bạc về thể lệ dùng tiền thế nào cho thuận lòng dân? muốn của một người mà cưỡng ép nghìn muôn người không muốn phải theo, để làm phép hay của một đời" [6, 195].

Ở đây có thể thấy rõ Nguyễn Trãi không chỉ quán triệt tư tưởng "dân là gốc nước", mà ông luôn thực hiện "nước phải lấy dân làm gốc". Điều đó không chỉ dừng lại ở quan điểm, mà còn được thể hiện trong hành động mang tính nhất quán của ông. Trong suốt thời gian phục vụ cho nhà Lê sơ, ông luôn luôn đứng về phía dân, diệt tham, trừ bạo để yên dân. Ông đấu tranh trực diện để chống bọn tham quan Lê Ngân, Lê Sát, thực hiện "giản chính, khoan dân" hành động đó của ông được nhân dân kính trọng, nhưng lại bị bọn tham quan căm thù. Nên sau khi Lê Lợi qua đời, gia đình ông đã bị "chu di tam tộc".

Sau Nguyễn Trãi, do sự tranh giành quyền lực và lợi ích giữa các tập đoàn phong kiến, tư tưởng "dân là gốc" phần nào đó bị lãng quên. Tuy nhiên từng thời điểm một, vẫn có những nhà tư tưởng, có những quan đại thần đề cao tư tưởng nhân nghĩa, thân dân của Nguyễn Trãi. Họ nêu lại tư tưởng đó chủ yếu để khuyên can các bậc vua chúa đừng quá hại dân, coi thường dân, chứ thực sự thì tư tưởng "dân là gốc" thời kì này không còn là tôn chỉ cho các hoạt động chính sự của chính quyền nữa. Trong tư tưởng chính trị - xã hội thời kì này nổi lên cuộc đấu tranh giữa "bá đạo" và "vương đạo", giữa bạo lực và nhân nghĩa. Các chí sĩ tiến bộ thường ủng hộ "vương đạo", chống "bá đạo".

Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585) là người ủng hộ vương đạo. Ông cho rằng từ xưa đến nay điều nhân mới là vô địch, chứ không phải là chiến tranh. Sở dĩ nhà Hán làm nên nghiệp vương là nhờ nhân nghĩa; còn nhà Tần mất nước là vì quá lạm dụng chiến tranh. Nội dung của chính trị nhân nghĩa, theo Nguyễn Bình Khiêm, là vì dân. Tức là phải chăm lo cho đời sống của dân, nhất là đối với dân nghèo, bởi vì "xưa nay nước phải lấy dân làm

gốc, nên biết rằng muốn giữ được nước, cốt phải được lòng dân" [5, 359].

Trạng Nguyên Giáp Hải thời Mạc, thấy các chính sách nhà Mạc rất khắc nghiệt, không được lòng dân, nhân có các vụ thiên tai xảy ra liền dâng sớ khuyên vua rằng thiên tai là điều quả trách của trời do việc người làm không tốt. Ông khuyên vua phải trị bọn tham quan, hại dân, chăm lo đến đời sống của dân, như thế mới hợp lòng trời.

"Xin bệ hạ tôn trọng gốc nước, cố kết lòng dân, hậu đãi mà đừng làm khổ dân, giúp đỡ mà đừng làm hại dân, dè dặt chứ không dùng hết sức của dân, nhẹ bớt cho dân những việc phục dịch tức là chính sách của vương đạo đó" [2, 257]. Có thể thấy nổi lên hai khuynh hướng tư tưởng tương đối khác nhau trong quan niệm về dân thời kì này. Một khuynh hướng có tính duy tâm thần bí coi ý dân là biểu hiện của ý trời, mệnh trời nên phần nào đó không thấy hết được vai trò sức mạnh của dân như tư tưởng Nguyễn Dữ, Ngô Thì Sĩ, Phan Huy Ích. Một khuynh hướng tư tưởng nhận rõ sức mạnh của dân, coi trọng lòng dân, ý dân như tư tưởng của Phùng Khắc Khoan, Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm. Trong đó, nổi bật nhất là tư tưởng "lòng dân yên định thì ý trời cũng xoay chuyển" của Ngô Thì Nhậm.

Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803) cho rằng những biến loạn của thời đại không phải do trời, mà là do con người, do các chính sách của triều đình, chính sách không hợp với lòng người, pháp luật không nghiêm để quan tham những ức hiếp dân thì dân tình khốn đốn, mà dân là trung tâm của vũ trụ, của mối quan hệ trời người "trời trông, trời nghe do ở dân. Lòng dân yên định thì ý trời cũng xoay chuyển" [5, 462].

Ngô Thì Nhậm coi được lòng dân là cơ sở của sự hoà hợp và phát triển, nước được yên là nhờ lòng dân yên. Do đó ông chủ trương thực hiện chính trị được lòng dân. Muốn vậy phải giảm bớt gánh nặng đóng góp sức người, sức của cho dân, phải làm cho nông dân được hài lòng, người buôn bán được thoả dạ, binh sĩ được vừa ý. Từ đó ông đề xuất một loạt chính sách nhân đạo, hợp lòng người như: miễn giảm thuế, quan tâm đến người có công, hy

sinh vì nước, chống tham ô, tham nhũng, cải cách chế độ ruộng đất,... Tuy ý tưởng của ông không được triều đình Lê - Trịnh thực hiện, nhưng phần nào đã nói lên được một ý nguyện muốn cho dân được yên ổn để xã hội phát triển. Đó là một tư tưởng tiến bộ so với thời đại.

Giữa thế kỉ XIX thực dân Pháp xâm lược nước ta, triều đình nhà Nguyễn nhanh chóng đầu hàng. Một loạt phong trào yêu nước nổi lên như phong trào Cần Vương, Duy Tân, Đông kinh nghĩa thực ..., nhưng lần lượt thất bại. Cùng với sự xâm lược của thực dân Pháp là sự truyền bá, du nhập của ý thức hệ tư sản vào Việt Nam. Nhiều chí sĩ yêu nước người Việt đã mang tư tưởng tư sản, tuy tỏ ra là tiến bộ hơn so với tư tưởng phong kiến thối nát của nhà Nguyễn, nhưng lại lạc hậu so với thời đại. Đại diện tiêu biểu cho trào lưu tư tưởng này là Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng,... Tư tưởng của họ thể hiện một tinh thần dân chủ, khinh quân trọng dân, coi "dân là gốc".

Phan Châu Trinh đưa ra bản "thất điều trần" để kể tội vua Khải Định và triều đình nhà Nguyễn chỉ biết ăn chơi, ức hiếp dân lành, không biết chăm lo đến muôn dân mà chỉ vì lợi ích của riêng mình. Ông ca ngợi chế độ dân chủ phương Tây, nơi mà theo ông, chính quyền là sự uỷ thác của dân, cho nên chăm lo cho dân là bổn phận của chính quyền, của tổng thống. Từ đó ông kết tội triều đình nhà Nguyễn "ai coi nước nhà như một món của riêng mình thì ví như bọn trộm cướp, còn ai cậy quyền mà áp chế nhân dân thì ví như quân phản nghịch" [4,176].

Phan Bội Châu là một chí sĩ yêu nước, với một quan niệm rất tiến bộ về dân, Ông đã từ bỏ tư tưởng tôn quân của Nho giáo, đề cao tinh thần "ái quốc ái quần", "khinh quân trọng dân". Ở ông, dân không chỉ có sức mạnh "đẩy thuyền, lật thuyền", mà dân còn là một lực lượng sáng tạo. Ông đã đi gần đến quan niệm coi "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng". Phan Bội Châu luôn luôn nhìn nhận dân và nước trong một chỉnh thể thống nhất: Nước không thể thiếu dân, dân không thể thiếu nước. Trong tác phẩm "Hải ngoại huyết thư" ông viết:

"Ngàn muôn ức triệu người chung góp  
xây dựng nên công nghiệp nước nhà  
Người dân ta, của dân ta  
Dân là dân nước, nước là nước dân".

Trong tác phẩm này, ông đã chỉ rõ nguyên nhân mất nước là:

"Một là vua sự dân chẳng biết  
Hai là quan chẳng biết gì dân

Ba là dân chỉ biết dân, mặc quân với quốc,  
mặc thần với ai".

Theo Phan Bội Châu, dân không chỉ có sức mạnh có khả năng giữ nước, mà dân còn có trách nhiệm bổn phận để làm việc ấy. Bổn phận giữ nước không thuộc về một người hay một nhóm người, không phải của riêng bọn vua quan nhà Nguyễn, mà thuộc về dân. Cho nên khi dân không thực hiện bổn phận, quay lưng lại với trách nhiệm của mình thì ông rất buồn. Ông nói: "Ta thương yêu nhất là dân, nên những người nào mà ta trách cũng là dân ta. Dân nước ta có chịu hối mà tự cường không" [1, 200].

Tóm lại: Tuy mệnh đề "Dân là gốc nước" Có nguồn gốc từ trong triết học Trung Quốc cổ đại, được du nhập cùng với sự truyền bá nho giáo vào Việt Nam, nhưng tinh thần coi "dân là gốc" đã nảy nở và phát triển ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử khác nhau. Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, Tư tưởng "dân là gốc nước" gắn bó mật thiết hoà đồng với chủ nghĩa yêu nước và tinh cộng đồng của người Việt. Sự thống nhất ấy đã tạo nên một sức

mạnh to lớn để nhân dân ta tránh khỏi nạn đồng hoá vào dân tộc khác chống giặc ngoại xâm giành độc lập và chống thiên tai giành cuộc sống.

Khi du nhập vào Việt Nam, tư tưởng "dân là gốc" của Nho giáo đã để lại những ảnh hưởng to lớn lên tư tưởng dân tộc. tinh thần trong dân, yêu dân, thân dân được thể hiện ở nhiều nhà tư tưởng dân tộc. Đồng thời, do sức ép của tư tưởng truyền thống bản địa của người Việt, nên tư tưởng "dân là gốc" cũng phải thay đổi, mang những nội dung mới, hình thức biểu hiện mới, tức là có một bản sắc mới - bản sắc Việt Nam. Nếu như ở Trung Quốc, tư tưởng "dân là gốc" gắn với vấn đề thống nhất quốc gia để bảo vệ lợi ích của chế độ phong kiến, thì ở Việt Nam tư tưởng "dân là gốc" gắn liền với việc bảo vệ tổ quốc, chống ngoại xâm, nên hoà quyện với tư tưởng yêu nước, yêu giống nòi.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Bội Châu, (1990) *toàn tập* , Tập II, Nxb Thuận Hoá, Huế.
2. Phan Huy Chú, (1992), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb KHXH & NV, H.
3. Võ Xuân Đàn, (1996), *Tư tưởng Nguyễn Trãi trong tiến trình lịch sử Việt Nam* , Nxb VH TT , H..
4. *Hợp tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX (1900 -1930)* (1972), Nxb VH , H.
5. Nguyễn Tài Thư (1993) (chủ biên), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Tập 1, Nxb KHXH, H.
6. Nguyễn Trãi (1976), *Toàn tập*, Nxb KHXH, H.

#### SUMMARY

#### THE IDEA 'PEOPLE FORM THE COUNTRY'S BASE' UNDER LE-NGUYEN PERIOD

This paper gives an overview of the content of the idea 'People form the country's base' reflected in the thoughts of Vietnamese patriots under Le – Nguyen time such as Nguyen Trai, Nguyen Binh Khiem Ngo Thi Nham, Phan Chu Trinh, Phan Boi Chau. The article points out that ideas 'People form the country's base', originating from Chinese Confucianism, after its introduction to Vietnam, particularly under Le – Nguyen time, was harmoniously blended with Vietnam's traditional patriotism and has become a unique cultural heritage of Vietnamese people.

**Keywords:** *People form the country's base, Le – Nguyen, ideology, tradition, folk*

Ngày nhận bài: 13/3/2014; Ngày phản biện: 15/3/2014; Ngày duyệt đăng: 26/3/2014

**Phản biện khoa học:** TS. Vũ Minh Tuyên – Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN

\* Tel: 0912 021314, Email: quan3666@gmail.com